TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **481**/2023/DS-PT
Ngày: 31/8/2023

V/v tranh chấp:"Thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Hồng Tâm.**

Các Thẩm phán:

1. Ông **Võ Ngọc Giàu**.

2. Bà **Nguyễn Thanh Nhàn.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thanh Thủy**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông **Dương Thanh Quang**, Kiểm sát viên.

Ngày **31** tháng **8** năm **2023**, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2023/TLPT-DS ngày 01 tháng 8 năm 2023 về việc tranh chấp "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 153/2023/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện GCT, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 714/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Kim P**, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: ấp HP, xã LB, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

** Bị đơn:*

1. Bà **Trần Thị C**, sinh năm 1978 (có mặt).

2. Anh **Lê Thái S**, sinh năm 1999 (xin vắng mặt).

Địa chỉ ĐKTT: ấp HP, xã LB, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ hiện nay: ấp Khu phố Cầu Xéo, xã Hậu Thành, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Lê Thị Anh T**, sinh năm 2009.

Đại diện theo pháp luật: Bà **Trần Thị C**, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ ĐKTT: ấp HP, xã LB, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ hiện nay: ấp Khu phố C, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* *Người làm chứng:* Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp HP, xã LB, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

* *Người kháng cáo:* Bị đơn Trần Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

** Nguyên đơn Nguyễn Thị Kim P trình bày:*

Ngày 15/01/2019 (âm lịch), ông Lê Thành L mượn của bà số tiền 50.000.000 đồng; đến ngày 21/9/2019 (âm lịch) ông Lê Thành L mượn tiếp 02 lượng vàng SJC và 01 năm sẽ trả tiền, vàng cho bà, nhưng không trả. Đến ngày 27/6/2022 ông Lê Thành L chết. Sau khi ông L chết, bà có đến gặp vợ con của ông L là bà Trần Thị C và anh Lê Thái S để yêu cầu trả tiền, vàng; nhưng bà C, anh S không trả. Nay bà yêu cầu bà Trần Thị C và anh Lê Thái S liên đới trả cho bà số tiền 50.000.000 đồng và 02 lượng vàng SJC; trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn bà Trần Thị C trình bày:*

Bà sống chung với ông Lê Thành L, có đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã Hậu Thành, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Bà sống chung với ông L đến năm 31 tuổi, bà ly thân ông L về sống tại ấp Khu phố Cầu Xéo, xã Hậu Thành, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang cho đến ngày ông L chết. Bà với ông L có 02 con chung tên là Lê Thái S, sinh năm 1999 và Lê Thị Anh T, sinh năm 2009, đang sống chung với bà. Cha ông L là ông Lê Ngọc Y đã chết; mẹ ông L là bà Trần Thị S đã chết. Khi ông L còn sống, ông L mượn tiền, vàng của bà P sử dụng vào việc gì bà không biết; ông L không có nói cho bà biết; bà không có sử dụng tiền, vàng của ông L mượn của bà P. Di sản của ông L chết để lại giữ lại để cúng giỗ ông L, không được sang bán. Bà không đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị Kim P 50.000.000 đồng và 02 lượng vàng SJC.

** Bị đơn anh Lê Thái S trình bày:*

Anh là con của ông Lê Thành L và bà Trần Thị C. Trước đây, anh S không có sống chung với ông L; nhưng đến khi anh S được 09 tuổi thì anh S theo bà C về sinh sống tại ấp Khu phố C, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho đến nay. Ông L chết ngày 27/6/2022. Khi ông L còn sống, ông L mượn tiền, vàng của bà P sử dụng vào việc gì anh không biết; ông L không có nói gì cho anh S biết; anh S không có sử dụng tiền, vàng của ông L mượn của bà P. Di sản của ông L chết để lại giữ lại để cúng giỗ ông L, không được sang bán. Nay anh đồng ý trả cho bà cho bà P 50.000.000 đồng và 02 lượng vàng SJC, nhưng yêu cầu được trả dần tiền, vàng; không đồng ý trả một lần.

** Người làm chứng ông Nguyễn Văn H trình bày:*

Ông là anh rể của ông Lê Thành L. Khi ông L còn sống, ông L có nhờ ông hỏi bà P để ông L mượn tiền mua xe tải. Ông có đến gặp bà P nói việc ông L muốn mượn tiền, vàng và bà P đồng ý; nên ông kêu ông L đến gặp bà P để mượn tiền, vàng. Sau đó, ông có hỏi ông L thì ông L nói ông L có mượn của bà P 50.000.000 đồng và 02 lượng vàng SJC; còn việc giao nhận tiền, vàng giữa bà P với ông L, ông không chứng kiến. Sau khi ông L bán xe tải, ông có hỏi ông L về việc trả tiền, vàng cho bà P, ông L nói để ông L trả dần. Trước khi bà P khởi kiện, bà P có đến gặp vợ con ông L là bà C, anh S để yêu cầu trả tiền, vàng cho bà P, nhưng bà C và anh S không thừa nhận việc ông L mượn tiền, vàng của bà P.

Bản án dân sự sơ thẩm số 153/2023/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện GCT, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ các Điều 615; khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim P.

- Buộc bà Trần Thị C và anh Lê Thái S có nghĩa vụ liên đới thực hiện nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim P số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và 02 (hai) lượng vàng SJC trong phạm vi di sản do ông Lê Thành L chết để lại; trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 08 tháng 6 năm 2023, bị đơn Trần Thị C kháng cáo đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị Kim P số tiền 50.000.000 đồng và 02 lượng vàng SJC trong phạm vi di sản của ông Lê Thành L chết để lại nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:*

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Trần Thị C thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại các điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Lê Thái S có đơn xin vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Ông Lê Thành L (1977-2022), hàng thừa kế thứ nhất của ông L gồm có bà Trần Thị C, anh Lê Thái S và cháu Lê Thị Anh T.

Bà Nguyễn Thị Kim P khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị C, anh Lê Thái S trả số tiền 50.000.000 đồng và 02 lượng vàng SJC, không yêu cầu cháu Lê Thị Anh T thực hiện nghĩa vụ liên đới. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà P không kháng cáo.

[2.2] Nguyên đơn Nguyễn Thị Kim P khởi kiện yêu cầu hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê Thành L gồm bà Trần Thị C, anh Lê Thái S có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 50.000.000 đồng và 02 lượng vàng SJC theo 02 biên nhận ngày 15/01/2019 AL (bút lục số 18) và biên nhận ngày 21/9/2019 (bút lục 19). Bị đơn Trần Thị C (đồng thời là đại diện theo pháp luật của Lê Thị Anh T), anh Lê Thái S thừa nhận chữ viết và chữ ký trong 02 biên nhận là chữ viết và chữ ký của ông Lê Thành L. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, bản án sơ thẩm xác định ông Lê Thành L khi còn sống có mượn của bà P 50.000.000 đồng và 02

lượng vàng SJC chưa trả, là có căn cứ. Đồng thời, bản án sơ thẩm nhận định: căn cứ vào biên bản xác minh ngày 26/5/2023; công văn số 1538/CNVPĐK ngày 22/6/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện GCT, lời thừa nhận của bà Trần Thị C, anh Lê Thái S xác định ông Lê Thành L sau khi qua đời có để lại di sản thừa kế là quyền sử dụng đất diện tích 536m^2 tại ấp HP, xã LB, huyện GCT, nên bản án sơ thẩm buộc bà Trần Thị C, anh Lê Thái S có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim P số tiền 50.000.000 đồng và 02 lượng vàng SJC trong phạm vi di sản của ông Lê Thành L để lại, là phù hợp các Điều 612, 613, 615 và Điều 616 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đồng ý trả số tiền 50.000.000 đồng và 02 lượng vàng SJC cho bà Nguyễn Thị Kim P nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng. Nguyên đơn Nguyễn Thị Kim P đồng ý cho bà Trần Thị C trả dần 50.000.000 đồng và 02 lượng vàng SJC, cụ thể: khi án có hiệu lực pháp luật trả 01 lượng vàng SJC và 06 tháng sau trả tiếp 01 lượng vàng SJC; số tiền 50.000.000 đồng trả trong năm 2024, nhưng bà Trần Thị C không đồng ý. Như vậy, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, là có căn cứ

[5] Về án phí: Bà Trần Thị C phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 357, Điều 612, Điều 613, Điều 615 và Điều 616 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị C.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 153/2023/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

Buộc bà Trần Thị C, anh Lê Thái S có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim P số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và 02 (hai) lượng vàng SJC trong phạm vi di sản do ông Lê Thành L chết để lại.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Kim P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Thị C, anh Lê Thái S chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng phải trả tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bà Trần Thị C phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Bà đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0027216 ngày 08/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện GCT, nên xem như nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Trần Thị C, anh Lê Thái S phải nộp 9.150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Kim P số tiền 3.750.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0026932 ngày 21/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện GCT.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu hồ sơ vụ án.

DSPT-2023-Tâm

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hồng Tâm